CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Bất động sản Sài Gòn Vi Na

Ngày 31/03/2025	18,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	**82.4%**	**106.7**

DT thuần
Q1/25
0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.43| -100%

LN thuần
Q1/25
-15.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 49.7| 75.9%
YoY: ▼15.5| -8641%

LN sau thuế
Q1/25
-15.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼19.4| -522%
YoY: ▼15.5| -6737%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25

ROE (TTM)
Q1/25
-1.2%
YoY: +/-▼ 1.5%

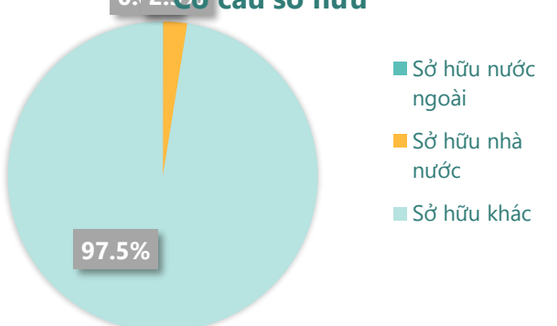
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	7,900 - 24,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,674
Số lượng CPLH (CP)	90,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	306,535
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	3.57
EPS	-142
P/E	-131.1

DT thuần
2024
3.43
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.48| 261%

LN thuần
2024
-66.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼73.6| -1007%

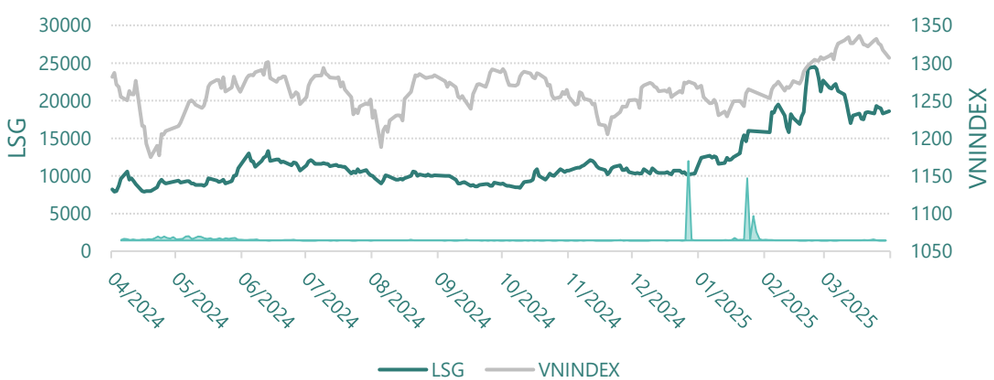
LN sau thuế
2024
2.73
tỷ VNĐ
YoY: ▼3.25| -54.3%

Cơ cấu sở hữu

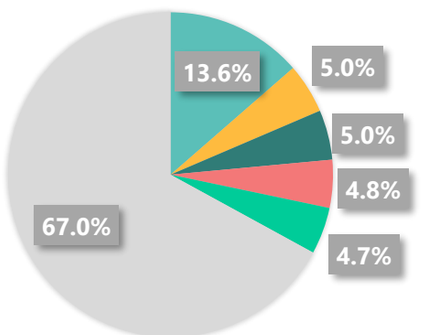


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

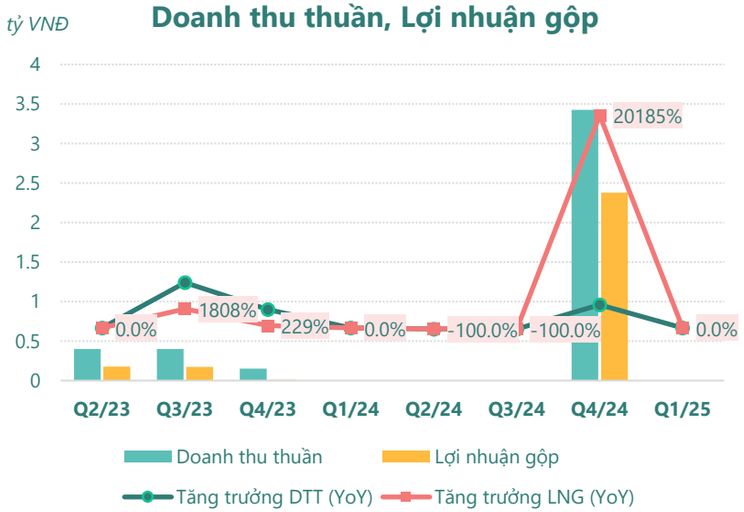


- CTCP Địa ốc Đại Á
- CTCP Quản lý & Phát triển Bất động sản Conasi
- Trương Kim Duyên
- Trần Thị Minh Tâm (Tổng giám đốc)
- Trần Thành Nhơn (Kế toán trưởng)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

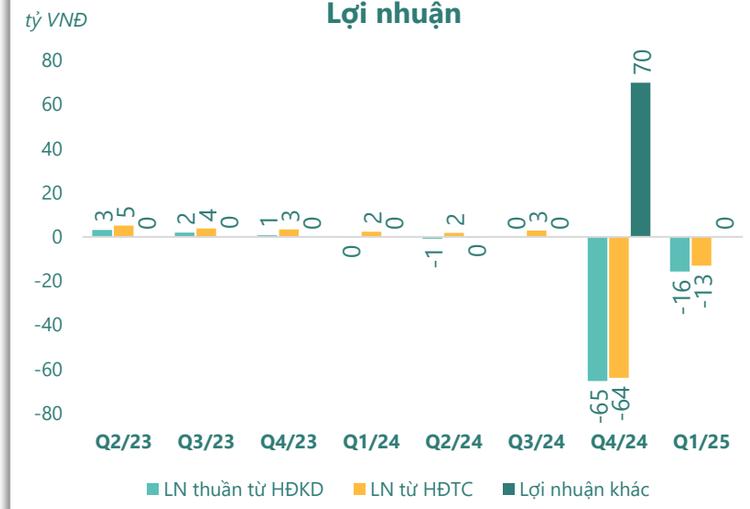
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



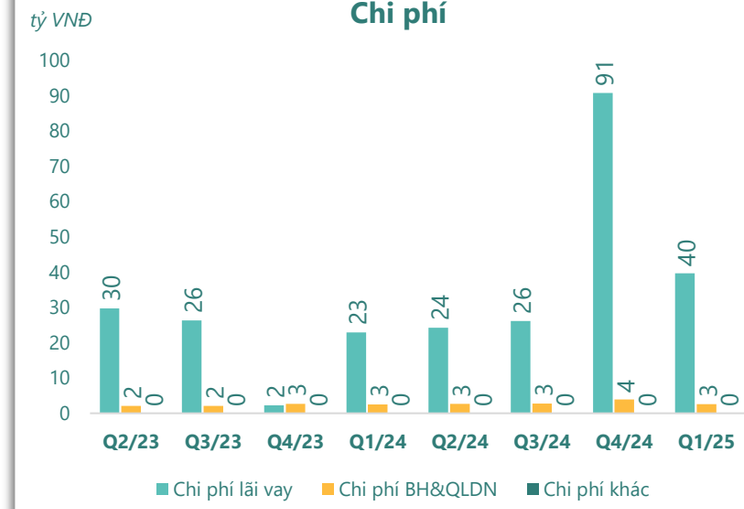
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



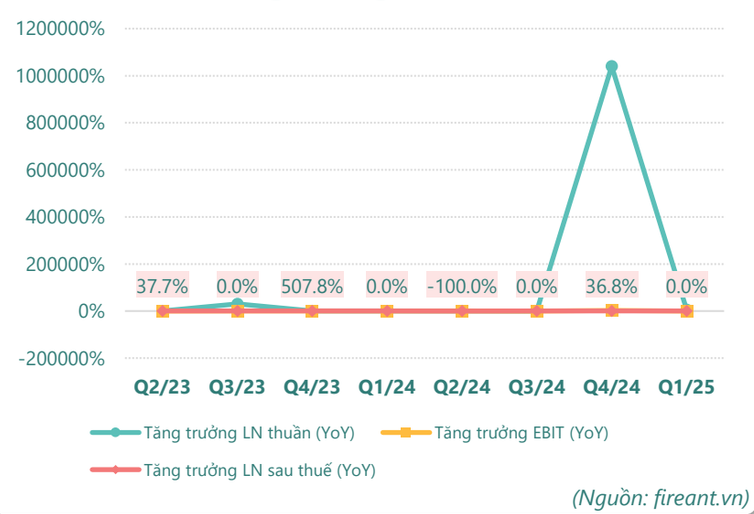
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



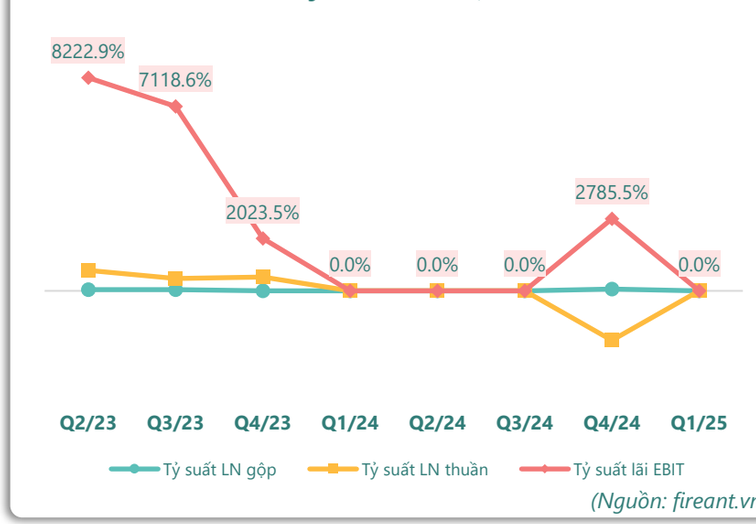
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



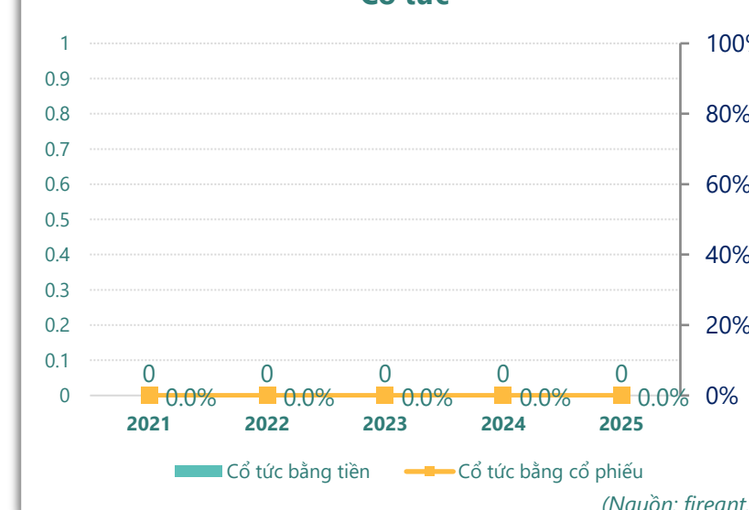
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

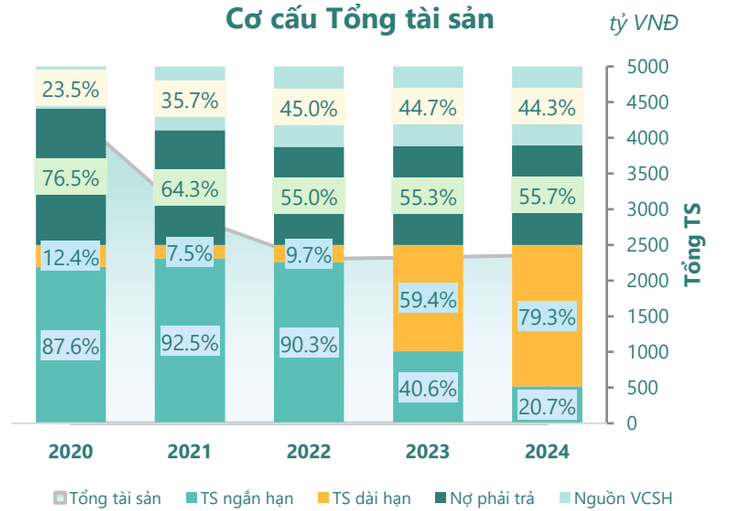
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

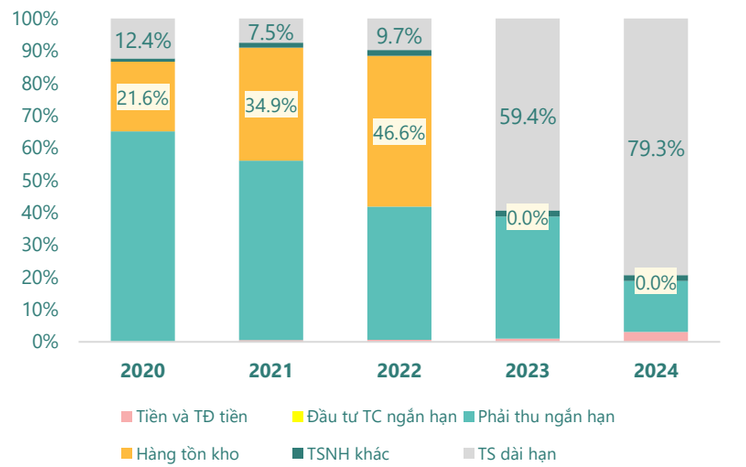
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



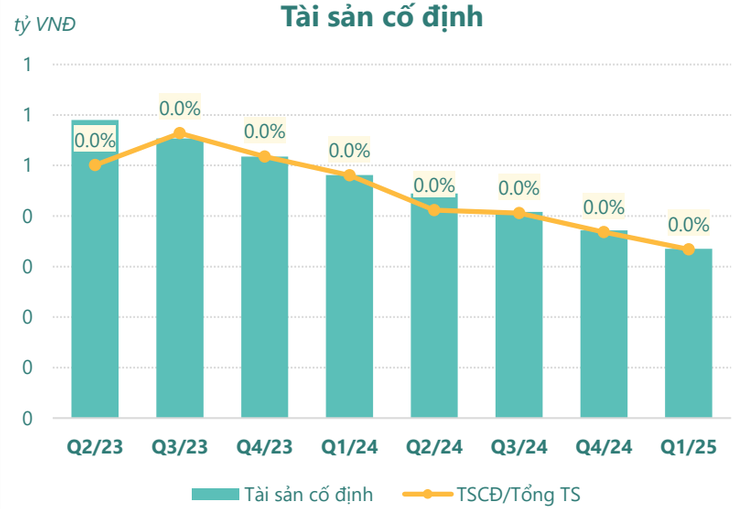
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



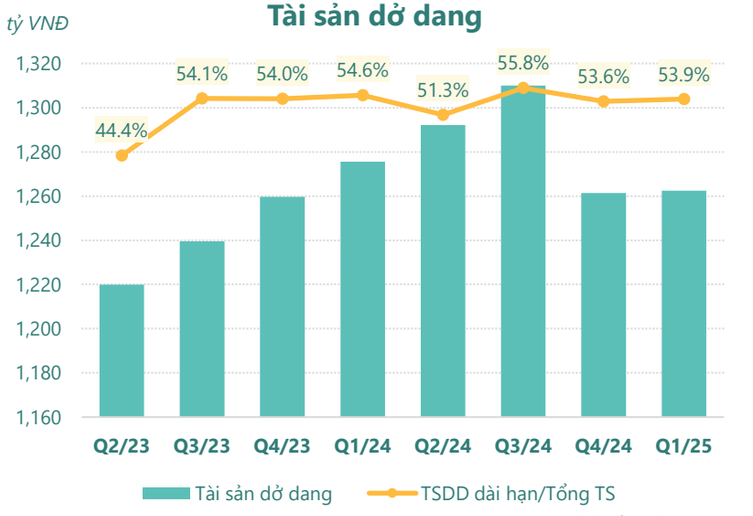
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



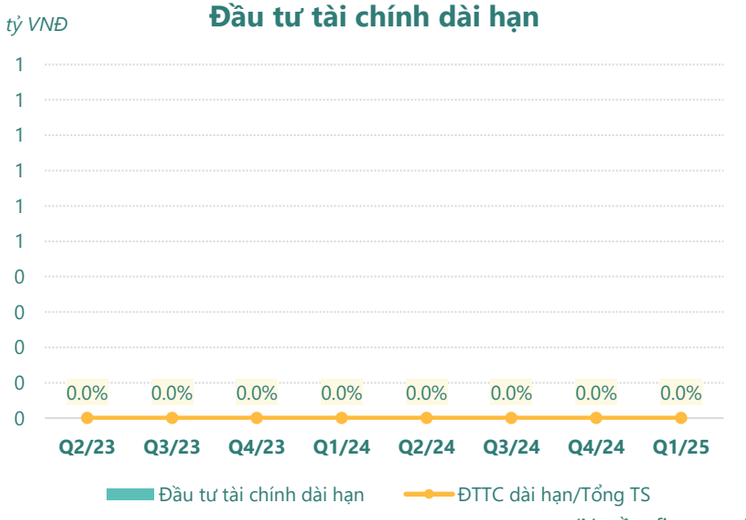
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



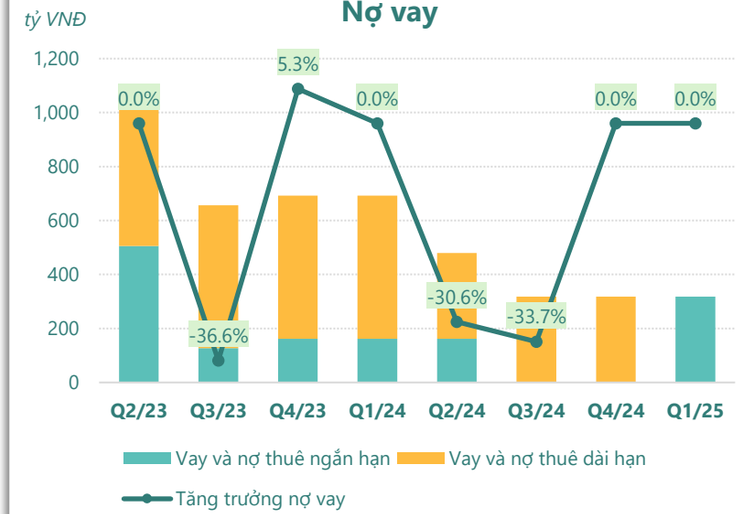
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

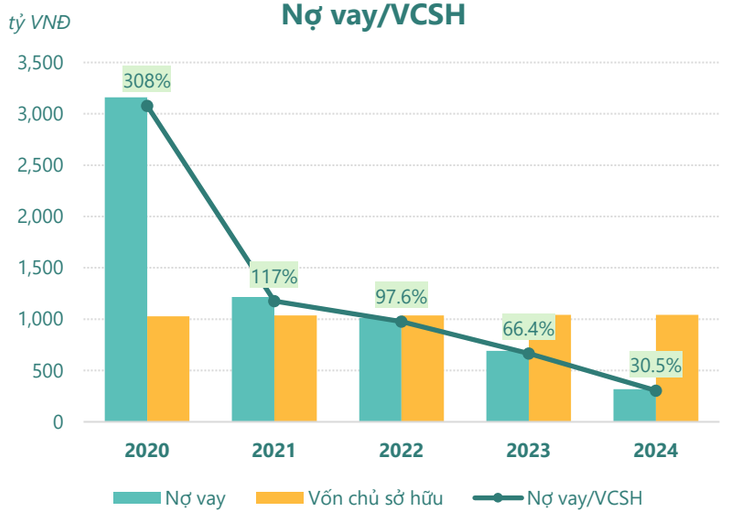
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

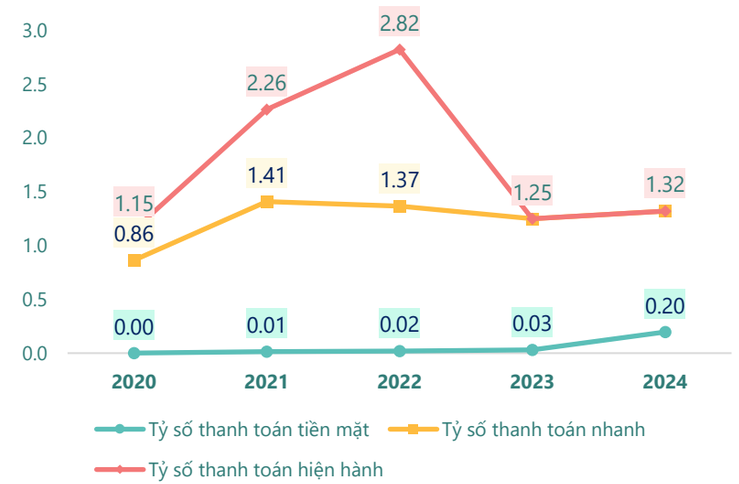
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



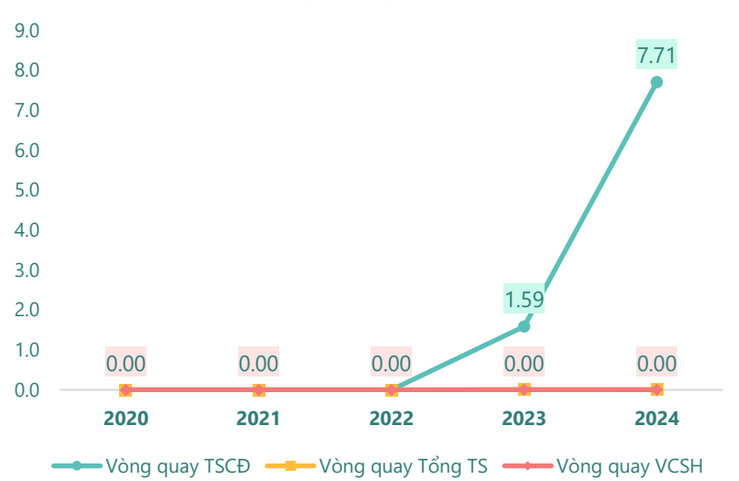
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



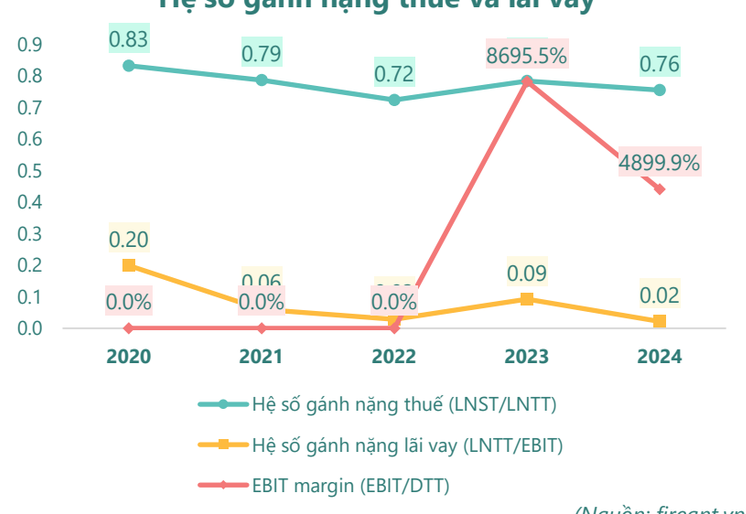
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



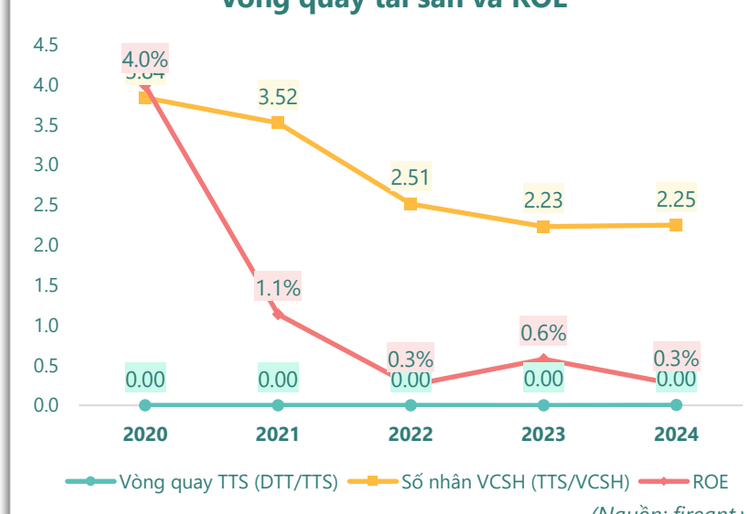
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



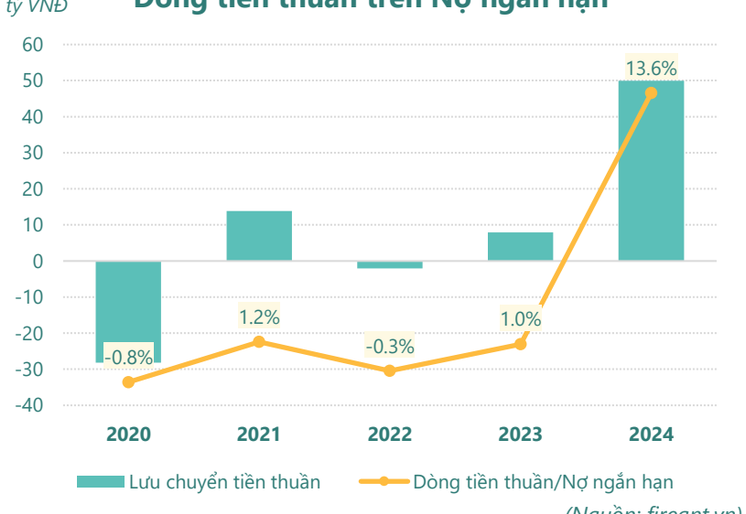
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**0**	**0.00**		**3.43**	**0.95**	**261%**
Giá vốn hàng bán	0	0.00		1.05	0.59	78.5%
Lợi nhuận gộp	0	0.00		2.38	0.36	553%
Doanh thu HĐTC	26.6	25.3	5.1%	107	114	-5.7%
Chi phí TC	39.7	23.0	72.6%	164	95.0	72.8%
Chi phí lãi vay	39.7	23.0	72.6%	164	75.0	119%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**2.62**	**2.55**	**2.7%**	**11.9**	**11.9**	**-0.2%**
LN thuần từ HĐKD	-15.7	-0.18	-8641%	-66.3	7.32	-1007%
Lợi nhuận khác	**0.06**	**0.00**		**70.0**	**0.31**	**22409%**
LN trước thuế	-15.7	-0.18	-8608%	3.62	7.63	-52.6%
Lợi nhuận sau thuế	**-15.7**	**-0.23**	**-6737%**	**2.73**	**5.98**	**-54.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-15.7**	**-0.23**	**-6737%**	**2.73**	**5.98**	**-54.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-41.9	-38.0	-62.4	-59.2	29.0	-42.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	18.0	25.0	-84.0	187	12.6	13.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	35.0	0	202	-162	0	0
Tiền đầu kỳ	11.3	22.4	9.41	65.0	30.8	72.4
Lưu chuyển tiền thuần	**11.1**	**-13.0**	**55.6**	**-34.2**	**41.6**	**-29.0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	22.4	9.41	65.0	30.8	72.4	43.5

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,340**	**2,355**	**-0.6%**
Tài sản ngắn hạn	467	486	-4.1%
Tiền và tương đương tiền	43.5	72.4	-40.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	379	370	2.3%
Hàng tồn kho	0.47	0	
Tài sản ngắn hạn khác	44.0	43.9	0.3%
Tài sản dài hạn	**1,874**	**1,869**	**0.2%**
Phải thu dài hạn	529	526	0.5%
Tài sản cố định	0.34	0.37	-9.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1,262	1,261	0.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**81.9**	**81.1**	**0.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,313	1,312	0.0%
Nợ ngắn hạn	**369**	**368**	**0.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	318	318	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.17	0.17	-0.2%
Nợ dài hạn	944	944	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,027**	**1,043**	**-1.5%**
Vốn chủ sở hữu	**1,027**	**1,043**	**-1.5%**
Vốn điều lệ	900	900	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)